

Chặng đường gần 10 năm đổi mới, TP HCM về cơ bản đã có nhiều đổi thay và gặt hái được nhiều thành quả trên con đường phát triển kinh tế xã hội theo định hướng XHCN. Đặc biệt trong lĩnh vực tăng trưởng kinh tế và đổi mới công nghệ, TP HCM nổi lên như một cực tăng trưởng và đẩy năng động vào loại bậc nhì so với cả nước.

Nhằm phát huy hết tiềm năng sẵn có và các lợi thế so sánh đáp ứng được xu thế phát triển không thể đảo ngược được, chúng ta thử nêu ra đây một số định hướng chính và các biện pháp lớn quản lý các luồng công nghệ nhằm phát triển kinh tế trên địa bàn TP.HCM trong giai đoạn từ nay đến năm 2000 và 2010.

I. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ HIỆN NAY

1. Luồng công nghệ

Để dễ phân biệt, dễ quản lý và có biện pháp thúc đẩy phát triển, chúng ta có thể hiểu ở đây có 2 luồng công nghệ:

- + Luồng công nghệ ngoại nhập
- + Luồng công nghệ tự tạo trong nước

2. Hiện trạng

+ Mặc dầu là một thành phố lớn, là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước (chiếm khoảng 30% tỷ trọng công nghiệp cả nước và trên 46% tỷ trọng trong GDP thành phố). Thế nhưng theo đánh giá chung của các ngành chức năng, hữu quan thì trình độ công nghệ của hầu hết các ngành sản xuất, dịch vụ trên địa bàn vẫn còn ở mức lạc hậu (vô hình và hữu hình).

Kết quả điều tra gần đây tại 900 cơ sở cho thấy tỷ lệ các thiết bị máy móc chủ yếu đang sử dụng có trình độ công nghệ trung bình và lạc hậu

chiếm tới 91%, (ngay cả tại 19 xí nghiệp liên doanh với nước ngoài được điều tra, chỉ tiêu này cũng ở mức trên 55%).

Điều này cũng được Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường điều tra và đánh giá công nghệ mới đây thấy rõ trên phạm vi toàn quốc là: mức độ có hệ số cơ giới hóa thấp (khoảng 45% lao động trong khu vực kinh tế TW, và 25% trong khu vực lao động địa phương. Riêng ngành công nghiệp trung ương tỷ lệ này có cao hơn: 62% và 47% của công nghiệp địa phương. Trong nông nghiệp chỉ tiêu này rất thấp chỉ đạt cỡ 19% cho cả 2 khu vực.

+ Cơ chế thị trường đã buộc các cơ sở sản xuất dịch vụ quan tâm đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ tạo ra các hàng hóa có chất lượng và cạnh tranh được với một số hàng ngoại. Nhiều sản phẩm công nghiệp đã thay thế hàng ngoại nhập (dệt, nhựa, điện tử, may mặc, chế biến lương thực, thực phẩm, một số VLXD...). Cơ cấu cây trồng vật nuôi đã từng bước chuyển theo hướng sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế

cao (sữa bò, gia cầm, rau quả tươi, thủy hải sản...)

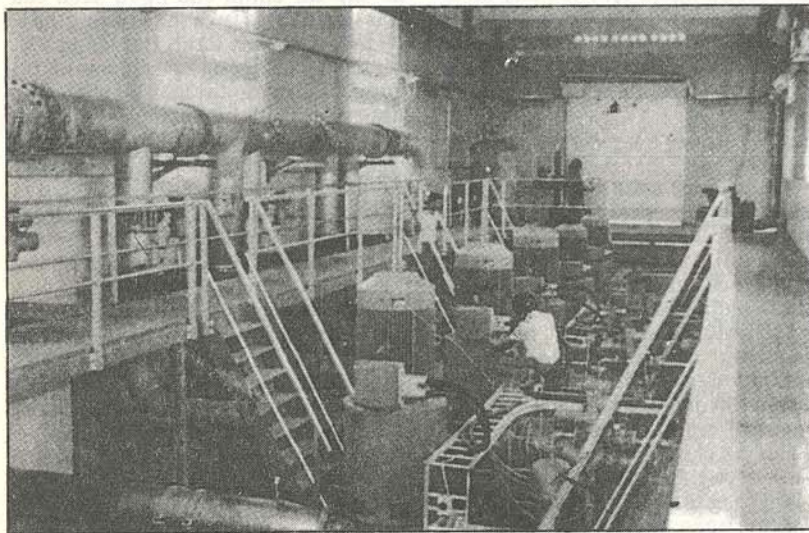
+ Tuy nhiên tốc độ đổi mới máy móc thiết bị hàng năm cũng chỉ mới đạt trung bình 10% chưa đáp ứng được yêu cầu và trong 40 mặt hàng chủ yếu công nghiệp sản xuất trên địa bàn thành phố, hầu hết vẫn là hàng tiêu dùng. Trên 80% nguồn nguyên liệu đều phải nhập ngoại.

+ Do trình độ công nghệ lạc hậu cho nên vấn đề môi trường là rất nặng nề. Trên địa bàn đã thiết lập được sự quản lý nhà nước về môi trường. Tuy nhiên thành phố phải khẩn trương qui hoạch và cải tạo để có cơ sở phục vụ phát triển bền vững.

+ Thực trạng về tiềm lực khoa học-kỹ thuật, tuy có khoảng 100.000 cán bộ có trình độ đại học trở lên (14,3% tổng số cả nước) trong đó số cán bộ có học vị PTS, TS, thạc sĩ khoảng 800 người (khoảng 10% tổng số cả nước). Số cán bộ trên đại học thành phố chỉ quản lý được 5%. Số công nhân kỹ thuật khoảng 150.000 người, trung cấp chuyên nghiệp khoảng 90.000 người.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP LỚN QUẢN LÝ CÁC LUỒNG CÔNG NGHỆ NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TP HCM TRONG GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000 VÀ 2010

Thạc sĩ NGUYỄN QUỐC TÙNG



Như vậy với mục tiêu và nhu cầu phát triển của một trung tâm công nghiệp và dịch vụ-thương mại lớn, điều dễ nhận thấy là sự bất cập về số lượng kể cả cơ cấu, chất lượng của đội ngũ này. Mặt khác, cần lưu ý ở thành phố tỷ lệ cán bộ khoa học kỹ thuật làm việc trong các ngành sản xuất công nghiệp chỉ chiếm 18,7%, trong nghiên cứu triển khai chỉ có 12%, mặt khác tình trạng lão hóa trong đội ngũ này là khá cao (63% TS, 32% PTS, 20% đại học có độ tuổi trên 50). Trên địa bàn có 35 cơ quan nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ trong đó có 30 cơ quan trực thuộc Bộ, ngành TW, khoảng 25 trường và phân hiệu, các trung tâm phân tích, thực nghiệm, các cơ sở y tế cũng tham gia thúc đẩy nghiên cứu-triển khai, có nhiều đóng góp đáng lưu ý. Hoạt

động thông tin KHNC và quản lý đo lường chất lượng, sở hữu công nghiệp tuy còn nhiều hạn chế song đã hình thành hệ thống quản lý hoạt động nhà nước trên địa bàn.

Từ thực trạng sơ bộ nêu trên, ta thử nêu ra đây một số định hướng lớn và các biện pháp quản lý chủ yếu các luồng công nghệ nhằm phát triển kinh tế trên địa bàn từ nay cho đến 2000 và 2010.

II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN

1. Đối với miền công nghệ truyền thống, vừa và thích hợp

Bao gồm các ngành dệt-da-may, chế biến lương thực, thực phẩm, điện tử, nông lâm thủy hải sản...

Đầu tư đổi mới, nhập công nghệ hiện đại cho những khâu then chốt trong dây chuyền công nghệ, nhanh chóng tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, rút ngắn khoảng cách lạc hậu giữa ta và các nước trên thế giới, đáp ứng phần lớn tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Sử dụng tốt nguồn tài nguyên, tạo ra nhiều công ăn việc làm, đảm bảo ổn định xã hội, hiệu quả kinh tế cao, bảo vệ môi trường, sinh thái. Quá trình mua nhập công nghệ phải gắn liền với quá trình chuyển giao công nghệ đồng thời cũng gắn vào quá trình khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế-xã hội.

2. Đối với miền công nghệ cao, hiện đại

Bao gồm các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu mới, công nghệ thông tin (tin học và viễn thông); công nghệ sinh học; phát triển năng lượng bền vững, công nghệ tự động hóa...

Đây là miền công nghệ có hàm lượng trí tuệ cao, đòi hỏi nhiều vốn đầu tư, có nhiều rủi ro, bất trắc... song mang ý nghĩa quyết định trong buổi đột phá đi tắt, đón đầu, đưa nền công nghệ thành phố ta đi thẳng vào hiện đại hóa, giúp chúng ta vươn tới đỉnh cao của một nền công nghệ hiện đại thế giới. TP.HCM trên cơ sở ưu tiên phát triển các ngành có hàm lượng khoa học, công nghệ cao, công nghiệp sạch, phải được cụ thể hóa bằng dự án ưu tiên, trọng điểm, có thể theo 2 nhóm.

* Nhóm 1: "Dự án phát triển công nghệ sản phẩm" phát triển các công nghệ đặc thù, có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới vào đầu thế kỷ 21 tới (thép hợp kim, kim loại màu, vật liệu composite, vật liệu gốm sứ kỹ thuật, siêu bền, công nghệ phần mềm, hệ thống tự động hóa, kỹ thuật gien, lắp ghép tế bào, cấp quang, xử lý chất thải bảo vệ môi trường sinh thái...)

* Nhóm 2: "Dự án phát triển công nghệ cơ bản" phát triển các công nghệ hạt nhân tuyệt đối cần thiết cho sự phát triển kinh tế-xã hội.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN QUẢN LÝ CÁC LUỒNG CÔNG NGHỆ

1. Hệ thống pháp luật

Nhà nước nhanh chóng cho ban hành luật khoa học-công nghệ, luật sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, bảo vệ môi trường, luật chuyển giao công nghệ, luật thương mại, tiêu chuẩn đo lường, đánh giá chất lượng trình độ công nghệ, quy định thống nhất các tiêu thức đánh giá cho từng loại trình độ công nghệ cho từng ngành công nghiệp phù hợp theo thông lệ quốc tế và có kết hợp với đặc thù phát triển giai đoạn từ nay đến 2010 của Việt Nam.

TP HCM nên chăng có những quy chế ban hành khuyến khích mọi thành phần kinh tế ứng dụng công nghệ mới nếu vào mục đích thương mại được vay dài hạn với lãi suất ưu đãi. Ban hành quy chế "khuyến khích mở rộng các dịch vụ cơ khí" bao gồm các nội dung như: hệ thống kiểm tra, chứng nhận tay nghề, thúc đẩy năng cao nghề nghiệp chuyên môn, khuyến khích học nghề...

Quy chế về hỗ trợ các tổ chức nghiên cứu ưu tiên có trên địa bàn, khuyến khích cho mọi thành phần tham gia nghiên cứu. Một số quy chế ứng dụng nhanh các kết quả khoa học và công nghệ vào các ngành kinh tế quốc dân.

2. Hệ thống tổ chức

- Hình thành một tổ chức tư vấn và đánh giá công nghệ ở cấp quốc gia và có chi nhánh ở các thành phố lớn. Hình thành tổ chức có thể là một ủy ban đánh giá và tư vấn quốc gia, gồm một số chuyên gia am tường về công nghệ, khi cần đánh giá cụ thể một công nghệ nào đó thì ủy ban này có quyền mời các thành viên mới để có một hội đồng cụ thể thích hợp cho một công nghệ cụ thể. Hoạt động của Ủy ban này theo cơ chế linh hoạt và "mềm" dựa trên các bộ luật nhà nước ban hành và các văn bản pháp quy dưới luật các qui định thống nhất chi tiết của từng ngành từng địa phương trên toàn quốc. Có như vậy mới tránh được cảnh "trống đánh xuôi kèn thổi ngược" hiện nay về mua nhập công nghệ và phát triển công nghệ.

Riêng các công ty liên doanh và có vốn nước ngoài thì ngoài những quy định trên còn phải có quy định riêng về quản lý khu vực này nhằm hạn chế bớt tiêu cực và khuyến khích thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào VN.

- Hình thành các trung tâm công nghệ tập hợp tổ chức liên kết nghiên cứu triển khai hoạt động đa dạng, tự chủ theo nguyên tắc hợp đồng, đào tạo cán bộ khoa học có trình độ cao cho các khu vực công nghiệp. Hình thành các trung tâm dịch vụ chuyên môn, tư vấn cao, tăng cường ứng dụng

công nghệ nước ngoài thông qua các ngân hàng dữ liệu về các công nghệ đã được thương mại hóa của từng nước, từng khu vực. Các trung tâm thông tin công nghệ phải đảm bảo đủ năng lực cung cấp đầy đủ về các dữ kiện công nghệ hiện có trên địa bàn và phân loại theo một hệ thống tra cứu thật khoa học để giúp cho các nhà hoạch định chiến lược, chính sách có thông tin khi cần ra quyết định.

- Tổ chức lại hệ thống nghiên cứu R & D trên địa bàn theo cơ chế một đầu mối quản lý nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và làm chủ công nghệ nhập và cải tiến công nghệ mới nhằm vượt qua giai đoạn "bắt chước-sao chép-cải tiến" công nghệ nước ngoài.

- Tạo ra thị trường nghiên cứu công nghệ, tạo ra bước đột phá trong hoạt động nghiên cứu dựa trên các hợp đồng.

- Tạo ra môi trường hoạt động khoa học-công nghệ thích đáng để phát triển rộng rãi các tư duy sáng tạo, thực tiễn, hợp lý, dân chủ, công khai... khuyến khích học nghề kỹ thuật tránh lệ thuộc kỹ thuật nhập khẩu.

- Tạo lập ra được một thị trường và nền văn hóa công nghệ trên quy mô rộng rãi, đạt được trình độ phổ cập dân trí về kiến thức công nghệ đại chúng.

- Hội nhập trên nền kinh tế mở, thừa kế, thừa hưởng nền KH&CN thế giới có chọn lọc và tạo ra được cách đi riêng của mình.

- Vai trò nhà nước (chính quyền thành phố) nhanh nhạy tạo ra vai trò trung tâm điều hành qua các công cụ pháp luật để quản lý chỉ đạo, tạo ra cơ chế cộng đồng liên kết mạnh mẽ vì mục đích phát triển khoa học và công nghệ phục vụ cộng đồng.

- Dùng chính sách "cầu hiền" từ mọi nguồn đào tạo cán bộ có trình độ khoa học và công nghệ cao, thực hiện luật toàn quyền, sở hữu, chế độ hợp đồng, nhận thầu nghiên cứu, quỹ nghiên cứu khoa học, dịch vụ khoa học công nghệ....

3. Hệ thống phát triển nguồn nhân lực

- Chú trọng đào tạo các nhà khoa học và kỹ sư cao cấp, ít nhất vào năm 2010 phải có được 30 cán bộ khoa học/10.000 dân.

- Tạo ra môi trường thu hút các chuyên gia giỏi từ nước ngoài về, mời các nhà khoa học công nghệ giỏi nước ngoài cộng tác, miễn thuế các cơ sở đào tạo ở mọi loại thành phần kinh tế.

- Đào tạo công nhân lành nghề bắt buộc tại các cơ sở sản xuất có từ 200 công nhân trở lên, đặt đúng vị trí của những người có tay nghề cao, định lại đúng thang giá trị lương bổng, nghề nghiệp...■